
TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC CẮT GIẢM THUẾ QUAN THEO CAM KẾT TRONG CPTPP ĐẾN MỘT SỐ NGÀNH SẢN PHẨM: TIẾP CẬN MÔ HÌNH CÂN BẰNG RIÊNG

Nguyễn Việt Hùng

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hungnv.neu@gmail.com

Lê Thị Kim Chung

Trường Đại học Thăng Long

Email: chungltk@thanglong.edu.vn

Ngày nhận: 28/02/2020

Ngày nhận bản sửa: 30/3/2020

Ngày duyệt đăng: 05/11/2020

Tóm tắt

Bài viết sử dụng mô hình cân bằng riêng để đánh giá tác động của việc cắt giảm thuế quan theo cam kết trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đến các chỉ tiêu phúc lợi của một số ngành sản phẩm của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc cắt giảm thuế quan theo cam kết trong CPTPP đã ảnh hưởng đến: nguồn thu ngân sách của chính phủ từ thuế bị mất đi 591,5 triệu đô la Mỹ (USD) và phần thiệt hại của doanh nghiệp là 233 triệu USD, đồng thời làm mất đi 15.619 việc làm của các ngành nghiên cứu. Ngược lại, người tiêu dùng được lợi nhất, với tổng thặng dư của người tiêu dùng thu được khoảng 830 triệu USD và cuối cùng lợi ích ròng cho xã hội vẫn dương và bù đắp cho xã hội được gần 6 triệu USD.

Từ khóa: CPTPP, giảm thuế quan, phúc lợi, cân bằng riêng.

Mã JEL: D6

Impact of the tariff reduction under the commitments in CPTPP on some products: Partial Equilibrium Model

Abstract:

This paper employs Partial Equilibrium model to assess the impact of tariff reductions under the commitments in the comprehensive and progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) on welfare indicators of some Vietnam's sectors. The results show that the tariff reduction committed by the CPTPP has affected the losses of government revenue from taxation of 591.5 million USD and business losses of 233 million USD. Moreover, the reduction also caused 15,619 employees in research sectors to lose their jobs while consumers stood to gain the most, with a consumer surplus of 830 million USD and social compensation of 6 million USD.

Keywords: CPTPP, tariff reduction, welfare, partial equilibrium.

JEL Code: D6

1. Giới thiệu

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã được đẩy nhanh bằng nhiều hình thức năng động với lộ trình hướng tới việc tuân thủ các quy tắc và tiêu chuẩn của nền kinh tế và thị trường toàn cầu. Các chính sách mở cửa và hội nhập của Việt Nam đã góp phần thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, từ đó cũng đã thúc đẩy sản xuất trong nước, gia tăng vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh

đó, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng có những tác động tiêu cực đến hoạt động kinh tế của các ngành kinh tế nói riêng và của nền kinh tế nói chung do phải thực hiện các cam kết cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan. Đặc biệt, hiện nay Việt Nam đang tích cực tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), hiệp định Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EU), với mức độ cắt giảm thuế sâu ngay khi hiệp định có hiệu lực.

Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu tác động của cắt giảm thuế quan khi tự do hóa thương mại đến kinh tế Việt Nam ở cấp ngành đã nhận được sự quan tâm của các nhà kinh tế trong và ngoài nước. Điển hình như một số nghiên cứu của Fukase & Martin (2001), Dimaranan & cộng sự (2005), Pham Lan Huong & Vanzetti (2006), Viện chiến lược phát triển kinh tế (2008), To Minh Thu (2010), To Minh thu & Lee (2015), Cassing & cộng sự (2010) xem xét ảnh hưởng của tự do hóa thương mại đến nhiều ngành trong khuôn khổ tổ chức thương mại thế giới (WTO), FTA nội khối Đông Nam Á (ASEAN), FTA giữa ASEAN và các quốc gia khác; nghiên cứu của Pham Thi Ngoc Linh & cộng sự (2008), Todsadee & cộng sự (2012), Nguyễn Đức Thành & cộng sự (2015) với trường hợp của ngành chăn nuôi; hay các nghiên cứu trong trường hợp ngành dịch vụ của Dee & cộng sự (2005), Francois & cộng sự (2011). Tuy nhiên, các nghiên cứu này đều sử dụng mô hình cân bằng tổng thể (CGE), một trong những hạn chế của mô hình CGE đó là mô hình này đòi hỏi số liệu đầu vào lớn. Bởi vậy, nếu chất lượng số liệu không tốt cũng sẽ làm cho kết quả đánh giá tác động của mô hình có sai số lớn. Đặc biệt, trong điều kiện số liệu ở Việt Nam vừa thiếu và yếu thì mô hình CGE có lẽ chỉ phù hợp sử dụng trong mô phỏng tác động của tự do hóa thương mại hơn là lượng hóa các tác động của nó đến các biến số kinh tế.

Bên cạnh đó, nghiên cứu của Nguyễn Khắc Minh & cộng sự (2004) và Lê Thị Kim Chung (2018) với mô hình cân bằng riêng, đã xem xét tác động của việc cắt giảm thuế quan khi tự do hóa thương mại ở Việt Nam đến thiệt hại của chính phủ, thặng dư của người sản xuất, thặng dư của người tiêu dùng, công ăn việc làm và hiệu quả kinh tế xã hội của một số ngành. Tuy nhiên, nghiên cứu của Nguyễn Khắc Minh & cộng sự (2004) chỉ dự báo đến năm 2004, thời gian cũng đã khá lâu trong khi từ năm 2004 đến nay Việt Nam cũng đã tham gia nhiều FTA hơn, hội nhập thương mại sâu hơn và từ 2015 đến nay Việt Nam bước vào thời kỳ cắt giảm thuế quan sâu và đạt đến mức độ cam kết cuối cùng với việc xóa bỏ thuế quan; còn nghiên cứu của Lê Thị Kim Chung (2018) đã dự báo đến năm 2017, nhưng mới thực hiện với một ngành sắt thép; và cả hai nghiên cứu này đều chưa xem xét việc cắt giảm thuế quan theo một FTA cụ thể.

Như vậy, ở cấp độ ngành từ 2004 đến nay chưa có một nghiên cứu cụ thể sử dụng mô hình cân bằng riêng để dự báo tác động của việc cắt giảm thuế quan theo cam kết của hiệp định CPTPP đến thiệt hại của chính phủ, thặng dư của người sản xuất, thặng dư của người tiêu dùng, công ăn việc làm và hiệu quả kinh tế xã hội của các ngành trong khi Việt Nam bước vào thời kỳ cắt giảm thuế sâu.

Bài viết sẽ tập trung lượng hóa tác động của việc cắt giảm thuế quan theo cam kết trong hiệp định CPTPP đến các khía cạnh phúc lợi: thiệt hại của chính phủ, thặng dư của người sản xuất, thặng dư của người tiêu dùng, hiệu quả xã hội và số việc làm của một số ngành sản phẩm. Để đạt được mục tiêu của bài viết, ngoài phần giới thiệu và kết luận, kết cấu của bài viết gồm các phần sau: Phần 2 khung lý thuyết nghiên cứu, Phần 3 phương pháp nghiên cứu. Phần 4 kết quả thực nghiệm và thảo luận.

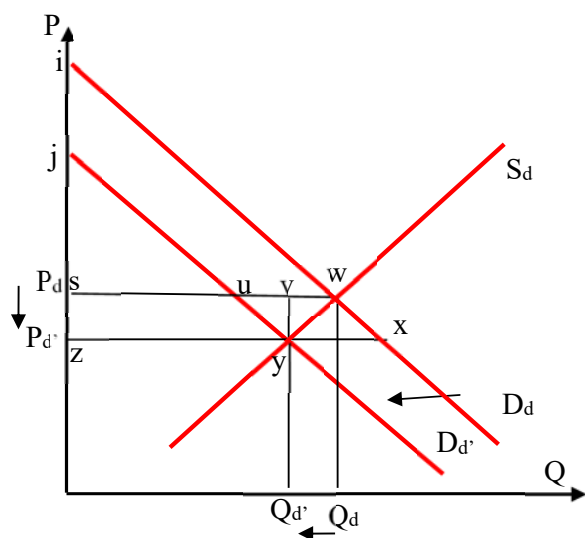
2. Khung lý thuyết nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết mô hình cân bằng riêng

Để tính toán các ảnh hưởng về mặt phúc lợi khi các rào cản về thương mại bị gỡ bỏ, các tác giả dựa trên mô hình cân bằng riêng được Morkre & Tarr (1980) phát triển. Mô hình được xây dựng với bốn giả thiết chính đó là: (i) Hàng hóa nội địa và hàng hóa nhập khẩu là các hàng hóa thay thế không hoàn hảo; (ii) Đường cung của hàng hóa nhập khẩu hoàn toàn co giãn (tức nước nhập khẩu là một nước nhỏ, hoàn toàn không có ảnh hưởng đến giá thế giới); (iii) Đường cung của hàng hóa nội địa có độ dốc dương; (iv) Các thị trường là cạnh tranh hoàn hảo.

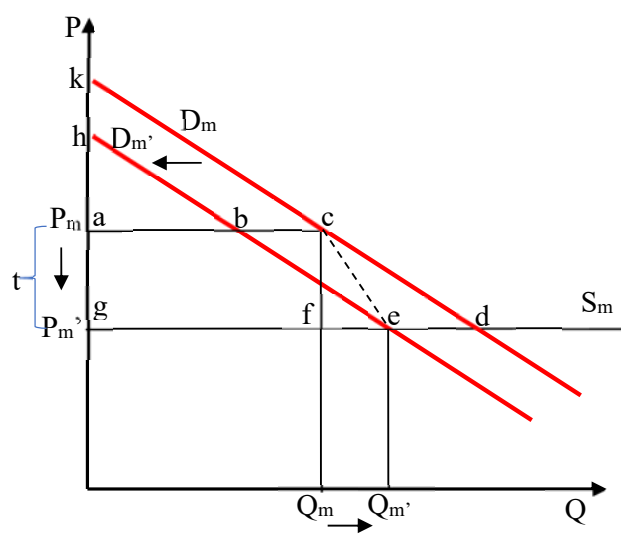
Những ảnh hưởng của việc loại bỏ hàng rào thuế quan được minh họa trong Hình 1 và Hình 2. Khi có bảo hộ thì giá của hàng nội địa cạnh tranh nhập khẩu là P_d và lượng cầu là Q_d ; còn giá và lượng của hàng nhập

Hình 1: Ảnh hưởng trên thị trường trong nước của việc gỡ bỏ các rào cản thương mại



Nguồn: Morkre & Tarr (1980).

Hình 2: Ảnh hưởng trên thị trường nhập khẩu khi gỡ bỏ các rào cản thương mại



khẩu trong thị trường được bảo hộ là P_m và Q_m .

Sau khi loại bỏ thuế quan sẽ làm giá hàng nhập khẩu trong thị trường nội địa, giảm từ P_m xuống còn P_m' bằng với giá của thế giới (Hình 2). Việc giảm giá của hàng nhập khẩu dẫn đến cầu với hàng hóa trong nước giảm, nên đường cầu của hàng hóa nội địa dịch chuyển sang bên trái từ D_d sang D_d' , khiến giá hàng sản xuất trong nước giảm từ P_d xuống còn P_d' và lượng tiêu thụ giảm từ Q_d xuống Q_d' . Đồng thời, tác động này đã làm đường cầu của hàng hóa nhập khẩu dịch chuyển sang trái từ D_m sang D_m' và với mức giá P_m' thì lượng nhập khẩu tương ứng là Q_m' . Như vậy, tại điểm cân bằng mới, giá hàng hóa nhập khẩu và hàng nội địa đều thấp hơn, sản lượng của hàng hóa được sản xuất trong nước cũng thấp hơn nhưng lượng nhập khẩu sẽ cao hơn.

Phân tích ảnh hưởng phúc lợi của việc loại bỏ hàng rào thương mại.

Một là, thặng dư tiêu dùng (CS): với giả thiết các hàng hóa nhập khẩu và hàng nội địa là các hàng hóa thay thế không hoàn hảo cho nhau, nên tổng lợi ích mà người tiêu dùng thu được phải bằng tổng của CS ở cả hai thị trường.

Phương pháp tính CS trong thị trường nhập khẩu (Hình 2) dựa trên phân tích của Burns (1973) về việc đo lường CS và tính trung bình lợi ích của người tiêu dùng tính theo mỗi đường cầu. Sử dụng đường cầu cũ (D_m) cho thấy CS trước khi gỡ bỏ thuế quan được đo bằng phần diện tích kac, còn CS sau khi gỡ bỏ thuế quan được đo bằng phần diện tích kcdg; do đó, CS sau khi gỡ bỏ thuế quan đã tăng lên là phần diện tích acdg. Trong khi với đường cầu mới (D_m') cho thấy CS trước khi gỡ bỏ thuế quan được đo bằng phần diện tích hab, còn CS sau khi gỡ bỏ thuế quan được đo bằng phần diện tích heg; như vậy, CS sau khi gỡ bỏ thuế quan đã tăng lên là phần diện tích abeg.

Sự khác nhau giữa hai hình acdg và abeg là diện tích hình bình hành bcde, đường ce chia đôi hình này thành hai phần và cho chúng ta sự thay đổi về thặng dư người tiêu dùng là hình aceg. Như vậy, CS tăng thêm trong thị trường nhập khẩu là phần diện tích aceg được ước lượng bằng cách tính tổng hình chữ nhật acfg và hình tam giác cef, được tính theo công thức sau:

$$(P_m - P_m') \times Q_m + (1/2) \times [(P_m - P_m') \times (Q_m' - Q_m)] \quad (1)$$

Tiếp theo, nói đến ảnh hưởng tới thị trường trong nước (Hình 1). Phân tích tương tự theo phương pháp Burns, CS tăng thêm trong thị trường nội địa là phần diện tích swyz, có thể ước lượng được bằng cách cộng diện tích của hình chữ nhật svyz và hình tam giác vwy. Khi đó sẽ bằng:

$$(Pd - Pd') \times (Qd') + (1/2) \times [(Pd - Pd') \times (Qd - Qd')] \quad (2)$$

Như vậy, cuối cùng tổng lợi ích mà người tiêu dùng thu được là:

$$\text{Tổng CS} = \text{CS trên thị trường nhập khẩu} + \text{CS trên thị trường nội địa, khi đó bằng: } (Pm - Pm') \times Qm + (1/2) \times [(Pm - Pm') \times (Qm' - Qm)] + (Pd - Pd') \times (Qd') + (1/2) \times [(Pd - Pd') \times (Qd - Qd')] \quad (3)$$

Hai là, thặng dư của người sản xuất trong nước (PS), vì trong thị trường nội địa, thặng dư tăng thêm của người tiêu dùng đúng bằng phần thiệt hại của người sản xuất nên thiệt hại của người sản xuất trong nước chính là phần diện tích swyz được tính theo công thức (2) như trên.

Ba là, nguồn thu từ thuế của chính phủ. Khi Chính phủ gỡ bỏ thuế nhập khẩu, sẽ làm giá hàng nhập khẩu giảm xuống mức giá thế giới một lượng đúng bằng thuế. Do đó, nguồn thu từ thuế của Chính phủ bị mất đi chính là phần diện tích acfg, được tính theo công thức sau:

$$(Pm - Pm') \times Qm \quad (4)$$

Bốn là, về hiệu quả kinh tế cho xã hội, trong thị trường nội địa, thặng dư của người tiêu dùng tăng lên đã bù đắp đủ cho phần mất đi trong thặng dư người sản xuất. Bên cạnh đó, trong thị trường nhập khẩu cho thấy CS tăng thêm chính là phần diện tích aceg, còn nguồn thu thuế của Chính phủ bị thiệt hại phần diện tích acfg; như vậy, tổn thất về nguồn thu từ thuế quan của Chính phủ đã được chuyển giao đến người tiêu dùng. Do đó, diện tích hình tam giác cef chính là khoản bù đắp cho tổn thất vô ích về hiệu quả, được tính bằng:

$$(1/2) \times [(Pm - Pm') \times (Qm' - Qm)] \quad (5)$$

Năm là, số công ăn việc làm được tính bằng:

$$\text{Giảm số công ăn việc làm} = L \times (1 - Q_d'/Q_d) \quad (6)$$

Trong đó: L = số công ăn việc làm ở năm cơ sở.

2.2. Chỉ định mô hình nghiên cứu thực nghiệm

Những tính toán ảnh hưởng phúc lợi của việc cắt giảm thuế quan theo cam kết của hiệp định CPTPP cho một số ngành sản phẩm được dựa trên mô hình giả thiết cầu và cung của Morke & Tarr (1980). Hàm cầu và cung nội địa dưới dạng tổng quát được biểu diễn như sau:

$$Q_d = aP_d^{E_{dd}}P_m^{E_{dm}} \quad (7)$$

$$Q_s = bP_d^{E_s} \quad (8)$$

Trong đó: Q_d và Q_s là lượng cầu và lượng cung của hàng sản xuất trong nước; P_d và P_m là giá hàng sản xuất trong nước và giá hàng nhập khẩu; E_{dd} là độ co giãn riêng của cầu hàng sản xuất trong nước theo giá ($E_{dd} < 0$) và E_{dm} là độ co giãn chéo của cầu hàng sản xuất trong nước theo giá hàng nhập khẩu ($E_{dm} > 0$); E_s là độ co giãn của cung hàng sản xuất trong nước theo giá ($E_s > 0$); a và b là các hệ số điều chỉnh.

Với giả thuyết cung nhập khẩu co giãn hoàn toàn thì hàm cung và cầu trên thị trường nhập khẩu dưới dạng tổng quát được biểu diễn như sau:

$$Q_m = cP_d^{E_{md}}P_m^{E_{mm}} \quad (9)$$

$$P_m = P_m'(1 + t) \quad (10)$$

Trong đó: Q_m là cầu hàng nhập khẩu; E_{md} là độ co giãn chéo của cầu hàng nhập khẩu theo giá hàng sản xuất trong nước ($E_{md} > 0$); E_{mm} là độ co giãn riêng của cầu hàng nhập khẩu theo giá ($E_{mm} < 0$); P_m' là giá hàng nhập khẩu sau khi giảm thuế và t là thuế nhập khẩu.

Để có thể ước lượng được, các phương trình (7) đến (10) được chuyển sang dạng tuyến tính *logarit* như sau:

- Đối với thị trường nội địa:

$$\ln Q_d = \ln a + E_{dd} \ln P_d + E_{dm} \ln P_m \quad (11)$$

$$\ln Q_s = \ln b + E_s \ln P_d \quad (12)$$

- Đối với thị trường nhập khẩu:

$$\ln Q_m = \ln c + E_{md} \ln P_d + E_{mm} \ln P_m \quad (13)$$

$$\ln P_m = \ln [P_m' (1 + t)] \quad (14)$$

Trong các mô hình trên, các biến số Q_d , P_d , P_m , Q_s , Q_m , P_m đã biết. Để có thể tính toán, phân tích được ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế quan, cần phải tính được các hệ số co giãn E_{dd} , E_{dm} , E_s , E_{md} , E_{mm} . Các hệ số co giãn này được tính theo phương pháp của Tarr (1990) như sau:

$$E_{dd} = -[(1 - S_d) \sigma + (S_d * E_{dt})] \quad (15)$$

Trong đó: S_d là phần chia thị trường của sản phẩm sản xuất trong nước và được tính bằng: $S_d = Q_d / (Q_d + Q_m)$; σ là độ co giãn thay thế nhập khẩu giữa hai nguồn nhập khẩu bất kỳ và E_{dt} là độ co giãn của cầu nhập khẩu theo giá nhập khẩu.

$$E_{mm} = -[(1 - S_m) \sigma + (S_m * E_{dt})] \quad (16)$$

$$E_{dm} = [-S_m (E_{dt} + E_{mm})] / S_d \quad (17)$$

$$E_{md} = [-S_d (E_{dt} + E_{dd})] / S_m \quad (18)$$

$$E_s = E_{dd} + E_{dm} / \theta \quad (19)$$

Trong đó: S_m là phần chia thị trường của sản phẩm nhập khẩu: $S_m = Q_m / (Q_d + Q_m)$ và θ là hệ số phản ứng của cung: $\theta = (P_d - P_d') / (P_m - P_m')$

Để tính toán được các hệ số co giãn trên, hệ số co giãn σ và E_{dt} về mặt thực nghiệm việc ước lượng hai hệ số co giãn này sẽ được chỉ định theo các mô hình sau:

$$\log(Q_m) = a + E_{dt} \log(P_m/P_d) + b \log(Y) + u \quad (20)$$

$$\log(Q_i/Q_j) = a_0 + \sigma \log(P_j/P_i) + a_1 \log(J) + u \quad (21)$$

Trong đó: Y là thu nhập của nước nhập khẩu (được lấy đại diện là GDP); P_d là giá sản xuất trong nước của nước nhập khẩu; P_m là giá nhập khẩu; Q_m là lượng nhập khẩu. Q_i và P_i là lượng và giá sản phẩm được nhập khẩu từ nước i ; Q_j và P_j là lượng và giá sản phẩm được nhập khẩu từ nước j ; J là chỉ số sản xuất công nghiệp của nước nhập khẩu và u là số hạng nhiễu.

Dựa trên kết quả tính được từ các phương trình từ (11) đến (19), lượng và giá hàng nhập khẩu (Q_m' , P_m') và sản xuất trong nước (Q_d' , P_d') sau khi cắt giảm thuế quan theo cam kết trong hiệp định CPTPP sẽ được tính như sau:

$$\ln P_m' = \ln [P_m / (1 + t)] \quad (22)$$

$$\ln P_d' = (\ln a - \ln b + E_{dm} \ln P_m') / (E_s - E_{dd}) \quad (23)$$

$$\ln Q_m' = \ln c + E_{md} \ln P_d' + E_{mm} \ln P_m' \quad (24)$$

$$\ln Q_d' = \ln Q_s' = \ln b + E_s \ln P_d' \quad (25)$$

Từ đó, tính được ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế quan đến từng ngành thông qua năm chỉ tiêu kinh tế theo công thức từ (1) đến (6).

3. Dữ liệu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng các số liệu của 6 ngành hàng nhập khẩu theo tần suất quý từ quý 1 năm 2004 đến quý 1 năm 2018, được thu thập từ Tổng cục Thống kê (GSO). Số liệu nghiên cứu là dữ liệu chuỗi thời gian, bao gồm số liệu về giá và lượng sản xuất trong nước, giá và lượng nhập khẩu của 6 ngành sản phẩm, giá và lượng nhập khẩu của các ngành hàng phân theo nước, tổng sản phẩm trong nước (GDP) và chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số sản xuất công nghiệp.

Phương pháp nghiên cứu: (i) Với số liệu về giá và lượng sản xuất trong nước, giá và lượng nhập khẩu của các mặt hàng, sau khi khử tính mùa vụ của các chuỗi số liệu bằng phương pháp Census II X-13, nghiên cứu tiến hành ước lượng độ co giãn của cầu nhập khẩu theo giá hàng nhập khẩu E_{dt} và độ co giãn thay thế giữa hai nguồn nhập khẩu bất kỳ σ với mô hình theo phương trình 20 và 21 bằng phương pháp hồi quy bình phương nhỏ nhất, có sử dụng kiểm định hiện tượng tự tương quan (kiểm định Breusch-Godfrey) và kiểm định phương sai sai số thay đổi (kiểm định White); khi có hiện tượng tự tương quan các tác giả đã dùng

phương pháp cochrane-Orcutt để khắc phục; (ii) Nghiên cứu tiến hành dự báo lượng nhập khẩu của thời kỳ cơ sở 2018 với mô hình theo phương trình 20 bằng phương pháp dự báo kinh tế lượng, có kết hợp sử dụng phương pháp hiệu chỉnh sai số trong dự báo; (iii) Dự báo giá và lượng sản xuất trong nước, giá nhập khẩu của các mặt hàng trong năm cơ sở theo phương pháp Holt-winters, dự báo biến GDP theo phương pháp ARIMA.

4. Kết quả thực nghiệm và thảo luận

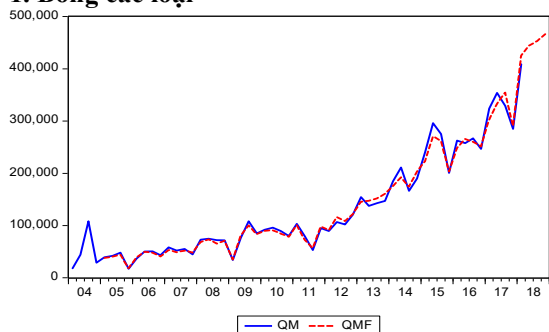
Do hạn chế về nguồn số liệu của Việt Nam, nên trong phần này chúng tôi chỉ tính toán ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế quan theo cam kết của hiệp định CPTPP cho 6 mặt hàng nhập khẩu mang tính đại diện đó là: Bông, Khí đốt hóa lỏng, Cao su, Sắt thép, Giấy và Sợi dệt. Trong tương lai, nếu có số liệu đầy đủ hơn thì cách tiếp cận này có thể mở rộng tính toán cho nhiều ngành sản phẩm.

4.1. Dự báo lượng nhập khẩu của một số ngành sản phẩm

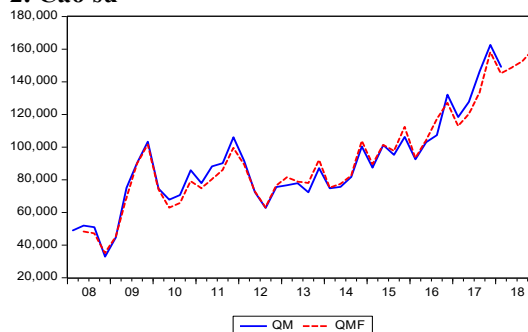
Khác so với nhiều nghiên cứu trước đây - đo lường tác động của cắt giảm thuế quan theo các FTA được

Hình 3. Kết quả dự báo và giá trị thực hiện lượng nhập khẩu của một số ngành sản phẩm giai đoạn 2004-2018

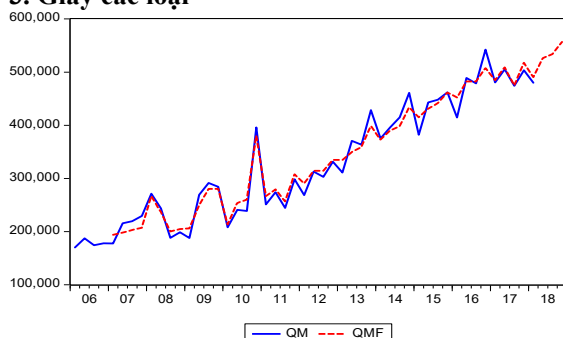
1. Bông các loại



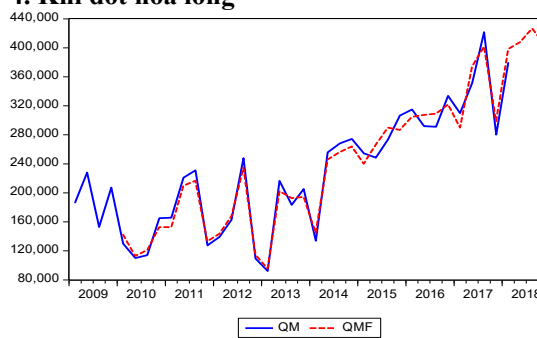
2. Cao su



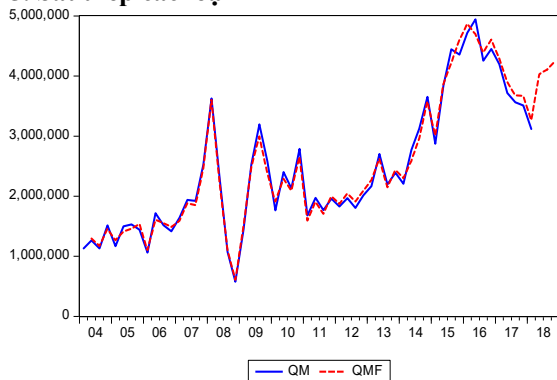
3. Giấy các loại



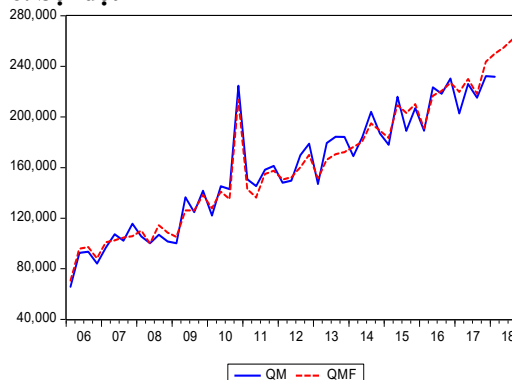
4. Khí đốt hóa lỏng



5. Sắt thép các loại



6. Sợi dệt



Ghi chú: QM: giá trị thực hiện, QMF giá trị dự báo.

Nguồn: GSO (2018) và ước lượng của các tác giả.

thực hiện trên những dữ liệu quá khứ đã diễn ra cho các ngành sản phẩm - trong nghiên cứu này với cách tiếp cận nhìn về tương lai để dự báo những ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế quan đến các tác nhân trong nền kinh tế. Bởi vậy, trước hết dựa vào phương trình (20) chúng tôi tiến hành hồi quy và dự báo trong mẫu, ngoài mẫu lượng nhập khẩu của 6 ngành sản phẩm đã lựa chọn (Hình 3).

Kết quả dự báo lượng nhập khẩu của 6 ngành sản phẩm trong giai đoạn 2004 - 2018 là khá tốt với sai số của dự báo ở mức khá nhỏ (sai số dự báo dưới 10%), như vậy kết quả dự báo có thể chấp nhận được.

4.2. Kết quả đo lường ảnh hưởng của cắt giảm thuế quan theo cam kết trong CPTPP

Như đã trình bày ở phần mô hình nghiên cứu thực nghiệm, để có thể tính toán được các tham số về độ co giãn, phải ước lượng được hệ số co giãn của cầu nhập khẩu theo giá nhập khẩu (E_{dt}) và hệ số co giãn thay

Bảng 1. Kết quả ước lượng Edt (quý 1/2004 đến quý 1/2018)

Ngành	Bông các loại	Cao su	Giấy các loại	Khí đốt hóa lỏng	Sắt thép	Sợi dệt
Biến phụ thuộc: Log(Qm)						
Các biến:						
Hằng số	1,0195 (1,3339)	5,2894** (2,6117)	4,2110*** (0,5622)	7,0067 (5,7095)	8,4492** (3,8440)	-
Log(Pm/CPI)	-0,5776*** (0,1460)	-0,4088*** (0,1513)	-0,5220** (0,3165)	-0,5789*** (0,1466)	-0,5967*** (0,1674)	-0,3521** (0,2128)
Log(Y)	0,9529*** (0,0786)	0,5421*** (0,1806)	0,6250*** (0,0431)	0,4658 (0,4118)	0,5553** (0,2709)	0,8954*** (0,0019)
AR(1)	-	0,6219*** (0,1435)	-	-	0,4831*** (0,1277)	-
Kiểm định						
R ²	0,896698	0,8028	0,8972	0,6766	0,7785	0,8433
Durbin Watson	1,429484	1,8219	1,4795	1,8213	1,7337	2,3619
Kiểm định Breusch-Godfrey	0,1666	0,0002	0,2031	0,6526	0,0010	0,0882
Kiểm định White	0,4370	0,3760	0,1094	0,3314	0,0675	0,4990

Bảng 2. Kết quả ước lượng độ co giãn thay thế NK σ (quý 1/2004 đến quý 1/2018)

Ngành	Bông các loại	Cao su	Giấy các loại	Khí đốt hóa lỏng	Sắt thép	Sợi dệt
Biến phụ thuộc: Log(Q₁/Q₂)						
Các biến:						
LOG(P2/P1)	1,3199*** (0,3554)	0,7941*** (0,0881)	1,1523*** (0,1099)	4,8319*** (0,7973)	2,8715*** (0,3677)	1,6232*** (0,2982)
LOG(J)	0,7387*** (0,0541)	0,1073*** (0,0075)	0,0463*** (0,0087)	0,6232*** (0,1955)	0,4803*** (0,1099)	0,2724*** (0,0286)
AR(1)	-	-	-	0,7126*** (0,2076)	0,7518*** (0,8838)	0,8087*** (0,0750)
Kiểm Định						
R ²	0,4547	0,6626	0,7302	0,7881	0,7766	0,8496
Durbin Watson	1,3243	1,2627	1,9413	2,0909	2,1939	2,3422
Kiểm Định Breusch-Godfrey	0,3132	0,0729	0,8688	0,0052	0,002	0,0042
Kiểm định White	0,4843	0,8172	0,1252	0,4426	0,4306	0,4061

Ghi chú: (***) (**) là mức ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% và 5%. Sai số tiêu chuẩn được đặt trong ngoặc đơn.

Nguồn: GSO (2018) và ước lượng của các tác giả.

thé nhập khẩu giữa hai nguồn nhập khẩu bất kỳ (σ). Kết quả ước lượng E_{dt} và σ được trình bày ở Bảng 1 và Bảng 2.

Kết quả ước lượng cho thấy các hệ số co giãn cho dấu như lý thuyết mong đợi và đều có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% và 5%. Một là, hệ số co giãn E_{dt} đều mang dấu âm, cho biết khi giá nhập khẩu tương đối tăng 1% (các yếu tố khác không đổi) thì lượng cầu nhập khẩu trung bình của ngành Bông giảm 0,53%, ngành cao su giảm 0,43%, ngành khí đốt hóa lỏng giảm 0,58%, ngành sắt thép giảm 0,66%, ngành sợi dệt giảm 0,5% và cao nhất là ngành giấy giảm 0,82%. Hệ số co giãn E_{dt} của các ngành cho thấy lượng cầu nhập khẩu của các ngành tương đối ít co giãn theo giá nhập khẩu. Hai là, hệ số co giãn σ mang dấu dương, cho biết khi giá nhập khẩu của nước 2 tăng 1% (trong khi giá nhập khẩu của nước 1 không đổi) thì tổng cầu nhập khẩu trung bình từ nước 1 để thay thế nhập khẩu từ nước 2 của ngành Bông tăng 1,32%, ngành cao su tăng 0,79%, ngành giấy tăng 1,15%, ngành khí đốt hóa lỏng tăng 4,83%, ngành sắt thép tăng 2,87%, và ngành sợi dệt tăng 1,62%.

Dựa trên hệ số co giãn E_{dt} và σ ước lượng được, các hệ số co giãn còn lại được tính toán dựa trên các phương trình từ (15) đến (19). Sau khi đã ước tính được tất cả các hệ số co giãn trong mô hình, dựa trên các kết quả dự báo lượng nhập khẩu của 6 mặt hàng và lấy năm 2018 làm cơ sở để tính toán ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế quan theo cam kết trong CPTPP đến phúc lợi của các ngành. Kết quả tính toán được thể hiện ở Bảng 3.

4.2.1. Về ảnh hưởng ròng của việc cắt giảm thuế quan

Kết quả thực nghiệm ở Bảng 3 cũng tính toán các tác động của việc cắt giảm thuế quan theo các hiệp định TPP (với giả định bao gồm có cả Mỹ) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) để so sánh với tác động của CPTPP. Kết quả tính toán cho thấy, những ảnh hưởng tác động của việc cắt giảm thuế quan theo cam kết trong CPTPP có tác động yếu hơn so với TPP, tuy nhiên có ảnh hưởng lớn hơn so với RCEP.

Bảng kết quả 3, cho thấy ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế quan theo cam kết CPTPP, RCEP và TPP, nhìn chung trên cả 5 khía cạnh phân tích, ảnh hưởng của cắt giảm thuế đến (i) nguồn thu của chính phủ, (ii) người sản xuất, (iii) hiệu quả xã hội, (iv) người tiêu dùng và (v) số công ăn việc làm bị mất đối với các cam kết trong TPP có ảnh hưởng mạnh nhất, kể đến là CPTPP và cuối cùng là RCEP. Tác động ròng¹ của 6 ngành sản phẩm của Việt Nam đối với việc cắt giảm thuế theo cam kết của TPP là khoảng 13,8 triệu USD, cam kết CPTPP đứng thứ 2 là 11,6 triệu USD và cuối cùng RCEP là 2,99 triệu USD. Như vậy khi TPP không còn nữa thì việc Việt Nam tham gia CPTPP sẽ mang lại hiệu quả kinh tế tốt hơn so với RCEP.

Tuy vậy, trên giác độ xã hội, tác động về mặt việc làm đối với các cam kết thì cả 6 ngành đều bị ảnh hưởng tiêu cực. Số lượng việc làm sẽ giảm khoảng 17.182 đối với cam kết TPP, giảm 15.619 đối với cam kết CPTPP và chỉ giảm 7.118 việc làm đối với cam kết RCEP. Điều này cho thấy với mức độ tự do hóa thương mại lớn, khả năng tiếp cận thị trường một cách toàn diện thì các doanh nghiệp và lao động của Việt Nam sẽ bị cạnh tranh trong một môi trường ngày càng khốc liệt.

Nếu xét ảnh hưởng của cam kết cắt giảm thuế ở từng ngành sản phẩm trong mẫu nghiên cứu, kết quả cho thấy CPTPP mang lại ảnh hưởng tích cực ròng về mặt kinh tế đến ngành sắt thép là mạnh nhất trong 6 ngành, đạt khoảng 9,1 triệu USD. Đứng thứ 2 là khí đốt hóa lỏng, đạt 1,68 triệu USD. Các ngành còn lại có ảnh hưởng thấp hơn hẳn chỉ khoảng 200 đến 300 nghìn USD và đặc biệt thấp đối với ngành cao su chỉ khoảng 71 nghìn USD.

4.2.2. Ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế quan theo 5 tiêu chí đánh giá khi thực hiện các cam kết giảm thuế trong CPTPP

Tổng nguồn thu của chính phủ: Nguồn thu Chính phủ đối với 6 ngành sản phẩm sẽ giảm đi khoảng 591,5 triệu USD, trong đó giảm mạnh nhất là ngành hàng Sắt thép (khoảng 323,3 triệu USD), kể đến là ngành Bông (93,7 triệu USD). Thu của chính phủ đối với ngành giấy và dệt giảm khoảng 60 triệu USD và giảm thấp nhất là ngành khí đốt hóa lỏng.

Thiệt hại đối với các doanh nghiệp: Tổng thiệt hại đối với các doanh nghiệp trong 6 ngành sản phẩm

Bảng 3. Kết quả phân tích ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế quan

	Thuế suất Theo Hiệp định	Thiệt hại của Chính Phủ (USD)	Thiệt hại của Nhà SX trong nước (USD)	Hiệu quả kinh tế cho xã hội (USD)	Thặng dư của Người Tiêu dùng (USD)	Giảm việc làm của Người lao động (người)
1. Bông	CPTPP	93,666,448	96,091	171,983	93,934,522	940
	TPP	103,055,627	105,759	103,260	103,264,645	1,033
	RCEP	42,651,601	43,680	270,840	42,966,120	431
2. Khí đốt hóa lỏng	CPTPP	24,310,786	57,677,226	839,385	82,827,397	179
	TPP	26,747,713	63,553,988	1,019,864	91,321,565	197
	RCEP	11,070,068	26,051,146	170,599	37,291,813	81
3. Cao su	CPTPP	30,172,314	22,646,426	35,361	52,854,101	1,317
	TPP	33,196,804	24,959,340	42,615	58,198,759	1,450
	RCEP	13,739,151	10,216,576	7,505	23,963,233	597
4. sắt thép	CPTPP	323,352,021	45,241,905	4,558,015	373,151,940	4,244
	TPP	355,765,015	49,815,118	5,529,686	411,109,819	4,666
	RCEP	147,240,358	20,516,550	934,005	168,690,913	1,938
5. Giấy	CPTPP	54,717,120	33,906,792	110,546	88,734,458	3,743
	TPP	60,201,996	37,344,362	102,626	97,648,984	4,118
	RCEP	24,915,782	15,352,816	91,910	40,360,508	1,704
6. Sợi dệt	CPTPP	65,255,601	73,443,275	114,521	138,813,398	5,197
	TPP	71,796,860	80,906,153	137,670	152,840,683	5,718
	RCEP	29,714,545	33,217,017	24,621	62,956,182	2,367
Tổng cộng	CPTPP	591,474,290	233,011,714	5,829,811	830,315,817	15,619
	TPP	650,764,014	256,684,720	6,935,721	914,384,455	17,182
	RCEP	269,331,504	105,397,785	1,499,481	376,228,769	7,118

Nguồn: tính toán của các tác giả dựa trên mô hình cân bằng riêng.

khoảng 233 triệu USD, trong đó ngành chịu ảnh hưởng mạnh nhất là ngành sợi dệt (thiệt hại khoảng 73,4 triệu USD). Mức độ thiệt hại lớn này cũng vì đặc thù của ngành dệt may Việt Nam lại chủ yếu là gia công xuất khẩu nên việc chọn nguyên vật liệu là theo chỉ định của bên đặt hàng, các doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc không chủ động đặt vải trong nước sản xuất gây khó khăn cho ngành sợi dệt, từ đó kéo theo tác động không tốt đến đầu ra ngành sợi dệt trong nước, ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Ngành bị thiệt hại ít nhất là ngành bông (chỉ khoảng 69 nghìn USD). Mức độ thiệt hại nhỏ này cũng là vì đặc thù của ngành bông, do yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến năng suất bông là điều kiện tự nhiên của Việt Nam nên khi thực hiện các cam kết thì năng suất và sản lượng không bị tác động rõ rệt như các ngành khác chẳng hạn như sắt thép.

Về hiệu quả kinh tế: Tất cả các ngành nghiên cứu đều có hiệu quả cao hơn khi thực hiện cắt giảm thuế quan theo cam kết của CPTPP. Với tổng hiệu quả kinh tế tăng thêm của cả 6 ngành là 5,6 triệu USD thì ngành sắt thép chiếm 78%, kế đến là khí đốt hóa lỏng chiếm 14%.

Về thặng dư của người tiêu dùng: Cũng như các tiêu chí phân tích nêu trên, ngành sắt thép cũng là ngành mà có thặng dư đối với người tiêu dùng lớn nhất, chiếm 45% tổng thặng dư tiêu dùng của cả 6 ngành. Kế đến là ngành dệt chiếm 17%.

Về tổn thất với việc làm: Nhìn chung khi thực hiện cam kết cắt giảm thuế quan, hàng hóa trong nước bị mất dần lợi thế, việc làm cho các lao động trong nước bị giảm trên 15,6 nghìn người. Tất cả lao động trong 6 ngành nghiên cứu đều bị mất việc làm với số lượng lao động bị mất việc đối với ngành dệt là 5.197 người, ngành sắt thép là 4.244 người, ngành giấy là 3.743 người... Ngành khí đốt có số lao động bị mất việc ít nhất 179 người.

5. Kết luận và khuyến nghị

Như vậy, phân tích định lượng thông qua mô hình cân riêng cho thấy mặc dù việc cắt giảm thuế quan theo cam kết của CPTPP có ảnh hưởng không tốt đối với nguồn thu chính phủ, đối với các doanh nghiệp và lao động trong nước nhưng hiệu quả kinh tế và thặng dư tiêu dùng mang lại lợi ích tổng thể ròng vẫn có giá trị dương. Điều này cho thấy tính đúng đắn của việc tham gia CPTPP của Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên để phát huy hiệu quả của việc thực hiện các cam kết cắt giảm thuế quan về khía cạnh kinh tế thì Chính phủ, doanh nghiệp và người lao động cần phải nhận thức được đâu là điểm tích cực và tiêu cực liên quan tới hoạt động kinh tế của mình để phát huy tốt hơn nữa những lợi thế mà mình đang có.

Theo cam kết của CPTPP hướng tới việc cắt giảm hoàn toàn hàng rào thuế quan, mức thuế suất sẽ được cắt giảm về mức 0% với hầu hết các mặt hàng. Do đó, để bảo vệ được các ngành sản xuất trong nước thì Chính phủ nên áp dụng các biện pháp khác ngoài thuế quan và phi thuế quan. Trong thời gian tới Chính phủ có thể cân nhắc các biện pháp để có thể áp dụng hàng rào kỹ thuật đối với các hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Ngoài ra, Chính phủ cũng cần phải truyền truyền và phổ biến về nội dung, ý nghĩa của CPTPP và những cơ hội mà hiệp định này có thể đem lại cho các doanh nghiệp trong nước, người nông dân, nhà cung cấp... nhằm tăng nhận thức, sự hiểu biết, nâng cao hơn nữa tỷ lệ tận dụng ưu đãi trong CPTPP, từ đó có thể hạn chế được thiệt hại cho các ngành sản xuất trong nước. Kết quả thực nghiệm cũng cho thấy số việc làm có nguy cơ bị giảm đi, lao động của Việt Nam sẽ bị cạnh tranh ngày càng gay gắt. Do đó, việc hỗ trợ trong các chương trình đào tạo và đào tạo lại đặc biệt là các ngành công nghệ cao, và quan trọng hơn cả là đầu tư vào giáo dục là những hướng đi phù hợp để có thể tạo ra những lao động có chất lượng, đáp ứng được nhu cầu lao động của thị trường đang ngày càng hội nhập sâu rộng.

Về phía các doanh nghiệp, các doanh nghiệp muốn tồn tại, cạnh tranh được với các sản phẩm nước ngoài và có thể tránh được các rủi ro phát sinh ngoài ý muốn thì cần phải có những nỗ lực thay đổi, như: (i) bản thân từng doanh nghiệp xuất khẩu nói riêng và cộng đồng các doanh nghiệp nói chung cần chủ động tìm hiểu thông tin về CPTPP để nắm vững các quy tắc, các ưu đãi và cam kết cắt giảm thuế quan và phi thuế quan trong CPTPP của Việt Nam và các thị trường đối tác, đặc biệt liên quan đến các quy định riêng của ngành để có thể đáp ứng tốt nhất theo các quy định trong hiệp định; (ii) Các doanh nghiệp phải chủ động nắm bắt và vận dụng sáng tạo các thành tựu khoa học công nghệ mới vào quá trình sản xuất kinh doanh, tăng cường đầu tư nghiên cứu triển khai để cải thiện hệ thống sản xuất, đổi mới dây chuyền công nghệ để nâng cao chất lượng cho sản phẩm nhằm đáp ứng những tiêu chuẩn hàng hóa theo quy định của các nước thành viên trong CPTPP, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng nội địa; (iii) Các doanh nghiệp cần chủ động xúc tiến mở rộng thị trường, đặc biệt, làm tốt công tác xúc tiến xuất khẩu sang các thị trường CPTPP như Nhật Bản (hàng tiêu dùng), Úc (hàng hóa vốn và hàng hóa trung gian) và thông qua Canada, Mexico để vào thị trường Mỹ nhằm tận dụng FTA Bắc – Mỹ.

Ghi chú:

1. Giá trị tác động ròng = -(Thiệt hại của chính phủ + Thiệt hại của Nhà sản xuất trong nước) + Hiệu quả kinh tế cho xã hội + Thặng dư của người tiêu dùng.

Tài liệu tham khảo

- Burns, M.E. (1973), 'A note on the concept and Measure of Consumer's Surplus', *The American Economic Review*, 63(3), 335-344.
- Cassing, J., Trewin, R., Vanzetti, D., Trương Đình Tuyển, Phạm Lan Hương, Nguyễn Anh Dương, Lê Quang Lâm & Lê Triệu Dũng (2010), Đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do đối với kinh tế Việt Nam, EU - VIETNAM MUTRAP III, Hà Nội, Việt Nam.
- Dee, P., Duc, L.T. & Hiep, D.T. (2005), *Evaluating Vietnam's WTO accession offer in services*, World Bank, Hanoi, Vietnam.
- Dimaranan, B., Le, T.D. & Martin, W. (2005), *Potential economic impacts of merchandise trade liberalization under Viet Nam's accession to the WTO*, retrieved on March 15th 2016, from <<https://www.gtap.agecon.purdue.edu/resources/download/2164.pdf>>
- Francois, J., Manchin, M., Lương Văn Tự, Lê Triệu Dũng, Hoàng Mạnh Phương & Hoàng Minh Chiến (2011), *Đánh giá tác động tổng thể của tự do hóa thương mại dịch vụ đối với nền kinh tế Việt Nam*, EU – VIETNAM MUTRAP III, Hà Nội, Việt Nam.
- Fukase, E. & Martin, W. (2001), 'A Quantitative Evaluation of Vietnam's Accession to the ASEAN Free Trade Area', *Journal of Economic Integration*, 16(4), 545-567.
- Lê Thị Kim Chung (2018), 'Ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế quan khi tự do hóa thương mại đến hoạt động ngành sắt thép', *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 250, 33-43
- Morkre, M.E. & Tarr, D.G. (1980), *The effects of restrictions on United States imports: five case studies and theory*, Federal Trade Commission, Washington. DC, United States of America.
- Nguyễn Khắc Minh, Nguyễn Việt Hùng, Phạm Thị Thu, Nguyễn Đức Thành, Vũ Phương Vân, Tô Trung Thành, Hoàng Yên & Phạm Hữu Nhật Minh (2004), 'Đo ảnh hưởng của tự do hóa thương mại ở Việt Nam', Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ B2003-38-67, Đại học Kinh tế Quốc Dân.
- Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Thị Thu Hằng, Itakura, K., Nguyễn Thị Linh Nga & Nguyễn Thanh Tùng (2015), 'Tác động của TPP và ACE lên nền kinh tế Việt Nam, khía cạnh vĩ mô và trường hợp ngành chăn nuôi', tham luận trình bày tại *Hội thảo khoa học quốc tế*, Viện nghiên cứu kinh tế và chính sách, ngày 3 tháng 8 năm 2015.
- Phạm Lan Hương & Vanzetti, D. (2006), 'Vietnam's Trade Policy Dilemmas', tham luận trình bày tại hội thảo *The Ninth Annual Conference on Global Economic Analysis*, Addis Ababa, Ethiopia, June 15 - 17, 2006.
- Phạm Thị Ngọc Linh, Burton, M. & Vanzetti, D. (2008), 'The welfare of small livestock producers in Vietnam under trade liberalisation-Integration of trade and household models', tham luận trình bày tại hội thảo *11th Annual Conference on Global Economic Analysis*, Helsinki, Finland, June 12-14, 2008.
- Tarr, D.G. (1990), 'A Modified Cournot Aggregation Condition for Obtaining Estimates of Cross - Elasticities of Demand', *Eastern Economic Journal*, 16(3), 257-264.
- To Minh Thu (2010), 'Regional Integration in East Asia and Its Impacts on Welfare and Sectoral Output in Vietnam', *Journal of International Public Policy Studies*, 14(2), 97-112.
- To Minh Thu & Lee, H. (2015), 'Assessing the Impact of Deeper Trade Reform in Vietnam Using a General Equilibrium Framework', *Journal of Southeast Asian Economies*, 32(1), 140-162.
- Todsadee, A., Kameyama, H. & Lutes, P. (2012), *The implications of trade liberalization on TPP countries' livestock product sector*, Technical Bulletin of Faculty of Agriculture, Kagawa University, Japan.
- GSO (2018), Tình hình kinh tế - xã hội các năm, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 5 năm 2018, từ <<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621>>.
- Viện Chiến lược phát triển kinh tế (2008), *Đánh giá tác động của gia nhập WTO tới nền kinh tế Việt Nam sử dụng mô hình cân bằng tổng thể*, Đà Nẵng.